TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST
Ngày 02/8/2024
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đạt Thông;

Ông Dương Thanh Hùng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Liêng Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà:*** Ông Kim Mau - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2024/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2024 về việc " *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị Mỹ L, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp T, xã NL, huyện D, tỉnh T. (*Xin xét xử vắng mặt*)

- *Bị đơn:* Anh Thạch S, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp S, xã NL, huyện D, tỉnh T. (*Vắng mặt, không lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/3/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Thạch Thị Mỹ L trình bày: Về quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Thạch S tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào năm 2010. Sau khi cưới vợ chồng cùng nhau đi làm thuê ở xa, đến khi chị L có thai và sinh con thì chị trở về nhà cha mẹ ruột tại ấp Trà Khúp, xã Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải sinh sống. Còn anh Thạch S vẫn tiếp tục đi làm thuê ở xa, lâu lâu có trở về thăm vợ và con. Đến năm

2020 thì giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cải dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay không thể đoàn tụ. Nay chị L nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh Thạch S nên chị yêu cầu ly hôn với anh Thạch S. Về con chung: có 02 con chung tên Thạch Quốc Anh, sinh ngày 21/02/2011 và Thạch Thị Ra Ni, sinh ngày 07/3/2014. Khi ly hôn, chị L yêu được quyền nuôi 02 người con, không yêu cầu anh Thạch S cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không có. Về nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại các phiên tòa bị đơn anh Thạch S vắng mặt và anh S không gửi bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của anh cho Tòa án. Vì vậy, không có lời trình bày của bị đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Thạch Quốc Anh trình bày: cháu là con chung của cha tên Thạch S và mẹ Thạch Thị Mỹ L. Nay cha mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ.

Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Thạch Thị Ra Ni trình bày: cháu là con chung của cha tên Thạch S và mẹ Thạch Thị Mỹ L. Nay cha mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 27/6/2024 nguyên đơn chị Thạch Thị Mỹ L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Thạch S, yêu cầu được quyền nuôi 02 người con chung, về tài sản chung, nợ chung chị L trình bày không có.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 9; Điều 51; Điều 53, Điều 56; Điều 57, Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Mỹ L

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thạch Thị Mỹ L được ly hôn với anh anh Thạch S.

- Về con chung: Giao con chung Thạch Quốc Anh, sinh ngày 21/02/2011 và Thạch Thị Ra Ni, sinh ngày 07/3/2014 cho chị Thạch Thị Mỹ L chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

- Về cấp dưỡng nuôi con: do chị Thạch Thị Mỹ L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Thạch Thị Mỹ L trình bày có.

- Về nợ chung: Chị Thạch Thị Mỹ L trình bày có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Thạch Thị Mỹ L nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị cần khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến, yêu cầu của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét thấy đơn khởi kiện của chị Thạch Thị Mỹ L có nội dung yêu cầu ly hôn với anh Thạch S, nơi cư trú tại ấp Sóc Ruộng, xã Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Về con chung: Chị L yêu cầu được quyền nuôi 02 người con chung. Về tài sản chung: Chị L trình bày không có. Về nợ chung: Chị L trình bày không có nên đây là quan hệ tranh chấp về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Nhưng bị đơn anh Thạch S trong quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt tại các phiên hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được giữa anh S và chị L. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa, chị L có yêu cầu được xét xử vắng mặt. Riêng bị đơn anh Thạch S vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của chị Thạch Thị Mỹ L đối với anh Thạch S. Nhận thấy chị Thạch Thị Mỹ L và anh Thạch S tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ

chồng. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống cả hai xảy ra mâu thuẫn, không thể giải quyết và đã sống ly thân với nhau từ năm 2020 vẫn không đoàn tụ được nên chị L yêu cầu ly hôn với anh S. Mặc dù, Tòa án không tiếp xúc được với anh S để lấy lời khai, nhưng thông qua người thân (mẹ ruột của anh S) được biết chị L và anh S đã sống ly thân nhau hơn 02 năm, không đoàn tụ được. Khi Tòa án gửi các văn bản tố tụng tại nhà, người thân đã thông báo cho anh S biết về vụ án, nhưng anh S vẫn không có động thái hay ý kiến gì. Nhận thấy, chị L và anh S đã tự chấm dứt mối quan hệ hôn nhân, không còn chung sống, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau và cho đến nay tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, Hội đồng xét xử tôn trọng quyết định của chị L mà cho ly hôn giữa chị Thạch Thị Mỹ L và anh Thạch S theo quy định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, cả hai người con chung là cháu Thạch Quốc Anh và Thạch Thị Ra Ni đều do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay, cả hai cháu đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị Thạch Thị Mỹ L. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao hai con chung là Thạch Quốc Anh, sinh ngày 21/02/2011 và Thạch Thị Ra Ni, sinh ngày 07/3/2014 cho chị Thạch Thị Mỹ L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Thạch Thị Mỹ L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Thạch Thị Mỹ L trình bày có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị Thạch Thị Mỹ L trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Xét lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Chị Thạch Thị Mỹ L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Mỹ L;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thạch Thị Mỹ L được ly hôn với anh Thạch S.

2. Về con chung: Giao con chung Thạch Quốc Anh, sinh ngày 21/02/2011 và Thạch Thị Ra Ni, sinh ngày 07/3/2014 cho chị Thạch Thị Mỹ L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Thạch Thị Mỹ L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Thạch Thị Mỹ L trình bày có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị Thạch Thị Mỹ L trình bày có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

6. Về án phí: Buộc chị Thạch Thị Mỹ L phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0001948 ngày 21 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Như vậy, chị Thạch Thị Mỹ L đã nộp đủ án phí. Anh Thạch S không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- CCTHADS huyện Duyên Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Linh